

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2017/QĐDS-ST

Ngày: 14/6/2017

*V/v: Yêu cầu Toà án xác định
phần quyền sở hữu tài sản, phần
quyền sử dụng đất của người phải
thi hành án.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG TỈNH HÀ GIANG**

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Bà Đinh Thị Hồng - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Ông Chúng Minh Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2017/TLST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2017 về "Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung" theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2017/QĐPH-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang - Ông Lê Quang T .

2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lương Thị Thanh T (Tên gọi khác: Lương Thị T), sinh năm 1978

- Anh Hà Văn D, sinh năm 1976

Cùng trú tại: Tổ 13, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Nậm Buông, xã Việt Vinh, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Thôn Cầu Ham, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

Địa chỉ cơ quan: Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang

Các đương sự đều có mặt, riêng anh Hoàng Văn T vắng mặt, có lý do.

3. *Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:* Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sở hữu tài sản, phân quyền sử dụng đất của chị Lương Thị Thanh T trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự, khối tài sản chung bao gồm:

- 01(Một) bộ bàn ghế làm bằng gỗ nghiến Malaysia kiểu đồng ky, tay 10 gồm có: 01 ghế văng dài có kích thước: cao 1.15m, dài 1.61m, rộng 0.5m; 02 ghế đơn có kích thước: cao 1.15m, dài 0.64m, rộng 0.5m, 01 bàn uống nước có kích thước: cao 0.41m, dài 1.08m, rộng 0.5m; Mặt bàn phủ kính dày 1cm, rộng 0.43m, dài 1.03m.

- 01(Một) tủ kệ để ti vi làm bằng kính dày 1.5cm; Kích thước: cao 0.64m, rộng 0.3m, dài 1.91m.

- Quyền sử dụng diện tích 195.7 m²; Trong đó:

- + Diện tích: 43m²; đất ở đô thị tại: Tổ 13, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; thời hạn sử dụng: lâu dài; thuộc thửa số: 36^a tờ bản đồ số 72 bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang; đã được UBND huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 755341; số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: H02285 ngày 26/12/2011 cho người sử dụng đất là anh Hà Văn D và chị Lương Thị Thanh T.

- + Diện tích: 152.7m²; Mục đích sử dụng: đất vườn. Địa chỉ thửa đất: Tổ 13, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang do chị Lương Thị Thanh T và anh Hà Văn D nhận chuyển nhượng từ anh Hoàng Văn P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Cầu Ham, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Tài sản gắn liền trên đất: 01 ngôi nhà xây gạch bi, mái lợp tôn lạnh, trần nhà bằng gỗ, diện tích sử dụng khoảng 52m²; 01 gian bếp nền xi măng, mái lợp xôximăng, diện tích khoảng 35.42m², 01 bán mái trước nhà khung sắt, vì kèo sắt, mái lợp tôn diện tích sử dụng: 27.2m²; 01 cửa xếp bằng sắt.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án huyện Bắc Quang nhận định:

Theo Quyết định số 14/2014/QĐST-DS, ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang thì chị Lương Thị Thanh T phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền là 97.000.000 đồng cộng lãi suất và theo Quyết định số 10/2016/QĐST-DS, ngày 06/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, ngày 15/6/2016 Chi cục Thi hành án dân sự cho thi hành khoản án phí dân sự có giá ngạch, số

tiền là 5.750.000 đồng theo Quyết định thi hành án số 52/QĐ-CCTHADS, nhưng chị T không tự nguyện thi hành án nên Chấp hành viên buộc phải kê biên tài sản của chị T trong khối tài sản chung với anh Hà Văn D. Do chị T và anh D không tự phân chia tài sản và cũng không khởi kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn P và bà Phạm Thị H không khởi kiện nên Chấp hành viên căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án và khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu Toà án xác định phần quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất của chị T trong khối tài sản chung.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang cho rằng: Một bộ bàn ghế làm bằng gỗ nghiến Malaysia kiểu đồng ky, tay 10; một kệ để tivi làm bằng kính; quyền sử dụng diện tích 195.7 m² (Trong đó: Diện tích 43m² đất ở đô thị, thuộc thửa số: 36^a tờ bản đồ số 72 bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, đã được UBND huyện Bắc Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Hà Văn D và chị Lương Thị Thanh T và diện tích 152.7m² đất vườn tại tổ 13, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang do chị T và anh D nhận chuyển nhượng từ anh Hoàng Văn P bằng hợp đồng miệng) và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà xây gạch bi, mái lợp tôn lạnh, trần nhà bằng gỗ; 01 gian bếp nền xi măng, mái lợp prôximăng, 01 bán mái trước nhà khung sắt, vì kèo sắt, mái lợp tôn, cửa xếp bằng sắt là tài sản chung của chị T và anh D.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và kết quả tranh tụng tại phiên họp nhận thấy: chị T và anh D xác định tài sản chung của anh, chị được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân mà Chấp hành viên yêu cầu Toà án phân chia gồm có: quyền sử dụng 43m² đất ở đô thị, thuộc thửa số: 36^a tờ bản đồ số 72 bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, đã được UBND huyện Bắc Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 755341 cho người sử dụng đất là anh Hà Văn D và chị Lương Thị Thanh T và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà xây gạch bi, mái lợp tôn lạnh, trần nhà bằng gỗ; 01 gian bếp nền xi măng, mái lợp prôximăng, 01 bán mái trước nhà khung sắt, vì kèo sắt, mái lợp tôn, cửa xếp bằng sắt, một kệ để tivi làm bằng kính. Ngoài ra, anh chị công nhận một bộ bàn ghế làm bằng gỗ nghiến Malaysia kiểu đồng ky, tay 10 anh chị được chú của chị T là ông Nguyễn Văn T tặng cho chung trong thời kỳ hôn nhân.

Theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và những tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung. Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng*"

Như vậy, quyền sử dụng 43m² đất ở đô thị, thuộc thửa số 36^a tờ bản đồ số 72 bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, đã được UBND huyện Bắc Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Hà Văn D và chị Lương Thị Thanh T và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà xây gạch bi, mái lợp tôn lạnh, trần nhà bằng gỗ; 01 gian bếp nền xi măng, mái lợp prôximăng, 01 bán mái trước nhà khung sắt, vì kèo sắt, mái lợp tôn, cửa xếp bằng sắt, một bộ bàn ghế làm bằng gỗ nghiêng Malaysia kiểu đồng ky, tay 10; một kệ để ti vi làm bằng kính nêu trên là tài sản chung của anh Hà Văn D và chị Lương Thị Thanh T. Vì vậy, Chấp hành viên yêu cầu Toà án xác định phần quyền sử hữu, phần quyền sử dụng đất của chị T trong khối tài sản chung nêu trên với anh D là có căn cứ.

Đối với quyền sử dụng diện tích 152.7m² đất vườn tại tổ 13, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang mà Chấp hành viên cho rằng thuộc quyền sử dụng chung của anh Hà Văn D và chị Lương Thị Thanh T có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng đất từ anh Hoàng Văn P bằng hình thức chuyển nhượng bằng miệng, chưa làm thủ tục sang tên nên yêu cầu Toà án xác định phần quyền sử dụng đất của chị T trong khối tài sản chung.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc và kết quả tranh tụng tại phiên toà đã thể hiện: Anh Hoàng Văn P cho rằng diện đất nêu trên có nguồn gốc của bố mẹ anh khai phá sau đó cho anh sử dụng. Trong quá trình sử dụng thì một phần diện tích đất Nhà nước quy hoạch làm đường và bố mẹ anh đã nhận được tiền đền bù, còn phần diện tích đất tiếp giáp phía sau đất ở của chị T, anh D thì năm 2011 anh đã thoả thuận miệng chuyển nhượng cho chị T. Sau đó chị T và anh D đã làm nhà ở trên toàn bộ diện tích đất đứng tên chị T, anh D và một phần nhà, bếp, công trình phụ làm trên diện tích đất mà anh đã thoả thuận chuyển nhượng cho chị T. Đến năm 2012 anh đã được UBND huyện Bắc Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh nhưng do chị T và anh D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh nên anh đã không làm thủ tục sang tên cho chị T và anh D. Hiện nay Chấp hành viên kê biên nhà ở của anh D và chị T gắn liền với quyền sử dụng đất của anh thì anh cũng nhất trí, tuy nhiên khi bán tài sản kê biên thì thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất cho anh. Lời trình bày của anh P phù hợp với lời trình bày của chị T, chị T nhất trí khi Chấp hành viên bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất sẽ thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất cho anh P, còn anh D cho rằng anh và chị T đã trả hết tiền nhận chuyển nhượng đất cho anh P nên diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng chung của anh và chị T.

Tuy nhiên, trong hồ sơ không có tài liệu thể hiện ai có quyền sử dụng diện tích 152.7m² đất vườn, tại tổ 13 thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 72, bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang; Chấp hành viên, anh Hoàng Văn P cũng như chị T và anh D đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về quyền sử dụng đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của ai theo yêu cầu của Toà án; ngày 11/5/2017 Văn phòng đăng ký đất đai có văn bản trả lời Toà án không tìm thấy hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 72, bản đồ địa chính thị trấn Việt

Quang, huyện Bắc Quang; tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ do Toà án tiến hành, cơ quan chuyên môn xác định trong sổ diện tích đất mà Chấp hành viên kê biên là 152.7m² đất vườn, tại tổ 13 thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang có diện tích đất là 65m² thuộc đường quy hoạch của thị trấn Việt Quang và 87,7 m² diện tích đất thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 72, bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, trên bản đồ thửa đất đứng tên anh Hoàng Văn P từ những phân tích nêu trên không đủ căn cứ để xác định quyền sử dụng đất trên thuộc quyền sử dụng đất của anh Hoàng Văn P và việc anh P chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho anh D, chị T thông qua hợp đồng miệng, không được làm bằng văn bản, không có công chứng, chứng thực, chưa được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại khoản 3 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2005 quy định: "Quyền sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình, chủ thể khác cũng được xác lập do được người khác chuyển quyền sử dụng đất phù hợp với quy định của Bộ luật này và pháp luật về đất đai".

Tại khoản 2 Điều 692 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản, có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật*"

Tại Điều 46 Luật Đất đai năm 2003 quy định: "*Việc đăng ký quyền sử dụng đất được thực hiện tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: " 3, Người nhận chuyển quyền sử dụng đất; "*

Tại khoản 4 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/11/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai quy định: "*Hợp đồng chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, hợp đồng hoặc văn bản tặng cho quyền sử dụng đất; hợp đồng thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.*"

Như vậy, không có căn cứ để xác định quyền sử dụng diện tích 152.7m² đất vườn, tại tổ 13 thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang nêu trên thuộc quyền sử dụng đất của anh D và chị T. Nếu anh D, chị T và anh P có tranh chấp sẽ được khởi kiện thành một vụ kiện khác khi có yêu cầu. Vì vậy, Chấp hành viên yêu cầu Toà án xác định phần quyền sử dụng đất của chị T trong khối tài sản chung nêu trên với anh D là không có căn cứ để chấp nhận.

Về xác định phần quyền sở hữu tài sản và phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và kết quả tranh tụng tại phiên họp đã thể hiện:

Bộ bàn ghế làm bằng gỗ nghiến Malaysia kiểu đồng ky, tay 10 có nguồn gốc do chú chị T là ông Nguyễn Văn T tặng cho chung chị T và anh D trong thời kỳ hôn nhân, vì vậy khi phân chia phải được tính công sức đóng góp của chị T nhiều hơn anh D là có căn cứ.

Sổ tài sản được anh D, chị T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm có: Quyền sử dụng 43m² đất ở đô thị, thuộc thửa số: 36^a tờ bản đồ số 72 bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, đã được UBND huyện Bắc Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Hà Văn D và chị Lương Thị Thanh T và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà xây gạch bi, mái lợp tôn lạnh, trần nhà bằng gỗ; 01 gian bếp nền xi măng, mái lợp prôximăng, 01 bán mái trước nhà khung sắt, vì kèo sắt, mái lợp tôn, cửa xếp bằng sắt, một kệ để ti vi làm bằng kính được anh chị tạo lập khi chị T là kế toán trưởng của Công ty lâm nghiệp Cầu Ham, có mức lương ổn định còn anh D làm nghề lao động tự do, có thu nhập không ổn định cũng là một căn cứ để xem xét công sức đóng góp của chị T nhiều hơn anh D. Mặt khác, xét hoàn cảnh của chị T và anh D thấy rằng, trong thời kỳ hôn nhân chị T đã lâm vào tình trạng nợ nần nhiều, không có khả năng trả nợ, chị T đã thôi việc ở Công ty lâm nghiệp Cầu Ham, sau đó đưa cháu Hà Thanh N là con chung với anh D đi làm ăn xa, còn anh D đã lập gia đình mới và đang sống tại căn nhà riêng của chị T và anh D tạo dựng ở thôn Nậm Buông, xã Việt Vinh. Như vậy hoàn cảnh của chị T khó khăn hơn anh D và chị T đang phải nuôi con nhỏ cũng là căn cứ để xem xét để chia tài sản cho chị T nhiều hơn anh D, tuy nhiên Toà án cũng xem xét đến công sức duy trì khối tài sản của anh D.

Theo khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, nhưng có tính đến các yếu tố sau đây:

a, Hoàn cảnh gia đình và của vợ, chồng;

b, Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập;

Trong quá trình lấy lời khai, anh D cũng đề nghị Toà án chia cho chị T 3/5 giá trị khối tài sản chung nêu trên của anh và chị T. Tại phiên họp anh D đề nghị chia cho chị T 2/3 giá trị khối tài sản chung của anh và chị T, Chấp hành viên, chị T và người được thi hành án là bà Phạm Thị H đều nhất trí với đề nghị của anh D.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của chị T là 2/3 giá trị trong khối tài sản chung với anh D theo yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của Chấp hành viên được Toà án chấp nhận.

Về lệ phí: Chấp hành viên không phải chịu lệ phí theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Luật số: 64/2014/QH13, ngày 25/11/2014 của Quốc hội.

Về chi phí xem xét thẩm định: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H tự nguyện chịu 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tài sản.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu, việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời

điểm ra quyết định giải quyết việc dân sự đúng quy định của pháp luật; đề nghị Toà án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2, 3 Điều 59, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 3 Điều 688, khoản 2 Điều 692 BLDS 2005, Điều 46 Luật đất đai 2003, khoản 4 Điều 146 Nghị định số 181/2004, ngày 29/11/2004 của Chính Phủ chấp nhận một phần yêu cầu của Chấp hành viên về quyền sử dụng 43m² đất ở đô thị đã có GCNQSDĐ đứng tên anh D, chị T, ngôi nhà xây, bếp và công trình phụ, bộ bàn ghế và kệ để ti vi bằng kính; không chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên xác định quyền sử dụng 152,7m² đất vườn tại tổ 13, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang là tài sản chung của chị T và anh D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 74, khoản 3 Điều 75 của Luật số 64/2014/QH13, ngày 25/11/2014 của Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 688, khoản 2 Điều 692 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 46 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 4 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/11/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; khoản 4 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu giải quyết việc dân sự của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Chị Lương Thị Thanh T được hưởng 2/3 và anh Hà Văn D được hưởng 1/3 giá trị quyền sử dụng 43m² đất ở đô thị, tại tổ 13 thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, thuộc thửa số 36^a tờ bản đồ số 72 bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, đã được UBND huyện Bắc Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 755341 cho người sử dụng đất là anh Hà Văn D và chị Lương Thị Thanh T;

- Chị Lương Thị Thanh T được hưởng 2/3 và anh Hà Văn D được hưởng 1/3 giá trị quyền sở hữu ngôi nhà xây gạch bi, mái lợp tôn lạnh, trần nhà bằng gỗ, diện tích sử dụng là 58,5m²; một gian bếp cộng nhà vệ sinh, nền xi măng, mái lợp prôximăng có diện tích là 37m²; một bán mái trước nhà khung sắt, vì kèo sắt, mái lợp tôn, cửa xếp bằng sắt, diện tích sử dụng là 28m² (trong đó phần bán mái trước có diện tích là 28m² và một phần nhà có diện tích 15m² được làm trên đất thuộc quyền sử dụng của anh Hà Văn D, chị Lương Thị Thanh T và một phần nhà có diện tích là 43,5 m², bếp và nhà vệ sinh có diện tích là 37m² được làm trên diện tích đất thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 72, bản đồ địa chính thị trấn Việt Quang, trên bản đồ thửa đất đứng tên anh Hoàng Văn P), một kệ để ti vi làm bằng kính dày 1,5cm, kích thước cao 0,74m, rộng 0,39m, dài 1,99m; một bộ bàn ghế làm bằng gỗ nghiến Malaysia kiểu đồng ky, tay 10, gồm có: một ghế

văng dài có kích thước cao 1,15m, dài 1,61m, rộng 0,5m; hai ghế đơn có kính thước cao 1,15m, dài 0,64m, rộng 0,5m; một bàn uống nước có kích thước cao 0,51m, dài 1,12m, rộng 0,5m, mặt bàn phủ kính dày 1cm, rộng 0,53m, dài 1,03m.

(Kèm theo là sơ đồ thửa đất)

2. Không chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên xác định quyền sử dụng 152,7m² đất vườn tại tổ 13, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang là tài sản chung của chị Lương Thị Thanh T và anh Hà Văn D.

3. Về lệ phí: Chấp hành viên không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Phạm Thị H tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) theo phiếu phụ số 06, ngày 19/4/2017 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKS ND huyện Bắc Quang;
- Người yêu cầu;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Thị Hồng